

## PHỤ LỤC

### ĐIỂM KHOÁNG SẢN BỔ SUNG QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số: 1343 /QĐ-UBND ngày 8 /6 /2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	SHQH	Tên mỏ khoáng sản	Địa danh (thôn/làng, xã, huyện)	Tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°)			Diện tích QH (ha)	Mức độ nghiên cứu địa chất	Tài nguyên dự báo	Hiện trạng
				Điểm khép góc	X(m)	Y(m)				
1	QHĐ40	Đất làm vật liệu san lấp	Khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy	M1	1.809.582,00	568.249,00	15	Đánh giá	1,2 triệu m <sup>3</sup> đất	khu vực khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy có hiện trạng là rừng trồng, quy hoạch 3 loại rừng là rừng sản xuất
				M2	1.809.715,79	568.411,99				
				M3	1.809.563,73	568.600,61				
				M4	1.809.304,08	568.725,16				
				M5	1.809.162,00	568.389,00				

# BẢN ĐỒ KHU VỰC BỔ SUNG QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN

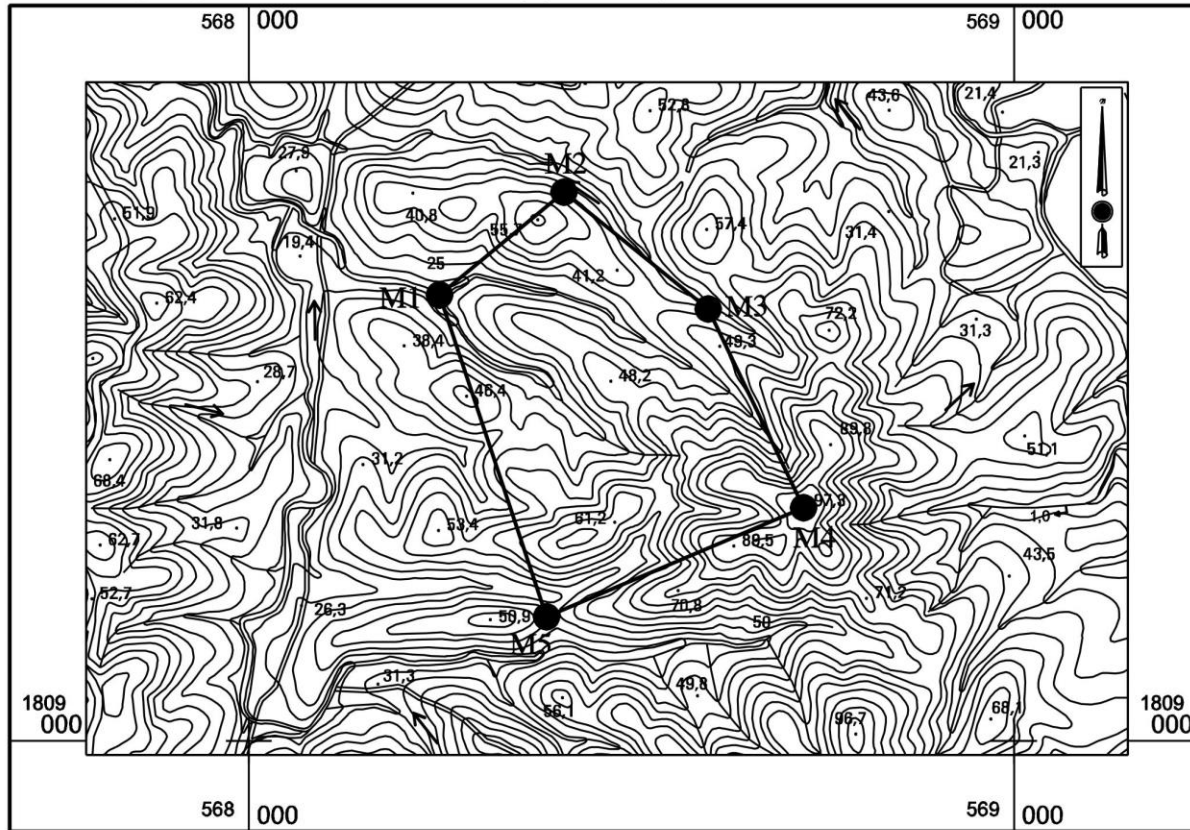
Đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

Diện tích: 15ha






(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)
M1	1809582.00	568249.00
M2	1809715.79	568411.99
M3	1809563.73	568600.61
M4	1809304.08	568725.16
M5	1809162.00	568389.00



## CHỈ DẪN

-  Ranh giới quy hoạch
-  Đường bình độ cơ bản
-  Đường bình độ cái
-  Mốc và số thứ tự mốc ranh giới quy hoạch
-  Sông, suối

Tỷ lệ 1:10.000